

BỘ CÔNG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1957*/BC-BCA

Hà Nội, ngày *08* tháng *12* năm 2023

BÁO CÁO
Về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong
dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Luật Bình đẳng giới và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành có liên quan, Bộ Công an báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ như sau:

I. MỤC TIÊU LỒNG GHÉP BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DỰ ÁN LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CẢNH VỆ

1. Mục tiêu chung

Bảo đảm không làm phát sinh bất bình đẳng giới trong quy định các nội dung cụ thể và trong quá trình soạn thảo, ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ.

2. Mục tiêu cụ thể

- Xác định có hay không có sự phân biệt về giới tính trong các chính sách, quy định và trong quá trình xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ.

- Xoá bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, phù hợp với đặc thù của mỗi giới trong thực hiện nhiệm vụ.

- Bảo đảm sự tham gia bình đẳng của nam, nữ, của các cơ quan, tổ chức, đoàn thể đại diện cho các giới tính trong quá trình xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ.

II. LỒNG GHÉP GIỚI TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CẢNH VỆ

1. Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong việc thành lập và xác định thành phần của Ban soạn thảo, Tổ biên tập dự án Luật

Thực hiện Điều 53 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Điều 21 Luật Bình đẳng giới và Điều 12 Thông tư số 17/2014/TT-BTP ngày 13/8/2014 của Bộ Tư pháp quy định về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan chủ trì soạn thảo thành lập Ban Soạn thảo, Tổ biên tập tham gia xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ với sự tham gia đầy đủ, bảo đảm sự bình đẳng tham gia của cả thành viên nam, nữ, đại diện cơ quan của tất cả các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ: Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ; Bộ Tư pháp; Bộ Tài chính; Bộ Nội vụ; Bộ Công an; Bộ Quốc phòng; Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; Bộ Ngoại Giao; Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Y tế; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Vụ Quốc phòng và an ninh, Văn phòng Quốc Hội và các chuyên gia theo đúng quy định.

2. Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong quá trình soạn thảo xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ

Thực hiện quy định tại Điều 21 Luật Bình đẳng giới, Điều 10 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 của Chính phủ về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới, Điều 13 Thông tư số 17/2014/TT-BTP ngày 13/8/2014 của Bộ Tư pháp quy định về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, trong quá trình xây dựng dự án Luật, cơ quan chủ trì soạn thảo xây dựng Báo cáo đánh giá tác động gồm đánh giá tác động về giới đối với mỗi chính sách sửa đổi, bổ sung quy định về Luật Cảnh vệ; thể hiện trong tờ trình trình cơ quan có thẩm quyền về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật nội dung lồng ghép vấn đề bình đẳng giới.

Đồng thời, cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức các cuộc họp của Ban soạn thảo, Tổ biên tập và gửi Công văn xin ý kiến các bộ, ngành, địa phương cũng như ý kiến tham vấn của các chuyên gia; tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm xin ý kiến về các quy định được quy định trong dự thảo Luật với sự tham gia của tất cả các thành viên gồm cả nam, nữ, đại diện các giới. Tại các cuộc họp, hội thảo, tọa đàm, cơ quan chủ trì soạn thảo đều gián tiếp hoặc trực tiếp lồng ghép các vấn đề về bình đẳng giới theo quy định của pháp luật bình đẳng giới; bảo đảm sự tham gia góp ý của tất cả các thành viên nam và nữ.

Ngoài ra, cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Bộ Công an để lấy ý kiến tham gia của toàn thể xã hội, không phân biệt nam, nữ.

III. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ GIỚI, LÒNG GHÉP CÁC BIỆN PHÁP BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DỰ ÁN LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CẢNH VỆ VÀ DỰ BÁO TÁC ĐỘNG

1. Cơ sở để thực hiện lòng ghép bình đẳng giới

Việc thực hiện lòng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Luật dựa trên cơ sở pháp lý gồm Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia và các quy định của pháp luật trong nước, cụ thể như sau:

Thứ nhất, Việt Nam đã là thành viên của một số điều ước quốc tế quan trọng liên quan đến giới và bình đẳng giới như: Công ước loại bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ năm 1979 (CEDAW), Công ước số 45 về sử dụng lao động nữ trong hầm mỏ, Công ước số 100 về trả công bình đẳng giữa lao động nam và nữ; Công ước số 111 về không phân biệt đối xử trong việc làm và nghề nghiệp... Các Công ước này đều nhấn mạnh việc bình đẳng giới, loại bỏ hình thức phân biệt đối xử trong mọi lĩnh vực, vai trò của các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới và yêu cầu cụ thể hóa các cam kết quốc tế vào pháp luật trong nước là trách nhiệm của các nước thành viên.

Thứ hai, Hiến pháp Việt Nam từ những năm 1946 đã quy định “*không phân biệt gái, trai*” (Điều 1), “*đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện*” (Điều 9). Quy định về việc “*bình đẳng*” “*không phân biệt trong mọi lĩnh vực*” giữa nam và nữ tiếp tục được khẳng định tại Điều 22, 23, 24 Hiến pháp năm 1959; Điều 55, 57, 63 Hiến pháp năm 1980; Điều 52, 54, 63 Hiến pháp năm 1992. Hiến pháp 2013 tiếp tục khẳng định “*công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt*”; “*Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng*” (Điều 16); “*Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội; nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới*” (Điều 26); “*Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người mẹ, trẻ em*” (Điều 36)...

Thứ ba, thể chế hoá quy định của Hiến pháp, Quốc hội ban hành Luật Bình đẳng giới năm 2006. Luật quy định các khái niệm về bình đẳng giới, biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới, chính sách của Nhà nước về bình đẳng giới. Đồng thời, Chính phủ, các bộ, ngành cũng ban hành Nghị định, Thông tư quy định chi tiết Luật Bình đẳng giới, trong đó, lòng ghép vấn đề bình đẳng giới trong tất cả các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, lao động, y tế, gia đình... và

trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm thực thi đầy đủ các quy định về quyền bình đẳng giới.

Như vậy, đến nay, Việt Nam đã từng bước và cơ bản xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về giới và bình đẳng giới với những yêu cầu pháp lý cụ thể, đồng bộ, thống nhất trong quy định, thực hiện chính sách đối với những quan hệ xã hội có nhạy cảm giới và trong xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật.

Bên cạnh các quy định nêu trên, việc lồng ghép các quy định về bình đẳng giới căn cứ vào hoàn cảnh, cần phù hợp với điều kiện phát triển trong từng thời kỳ. Trước kia, bình đẳng giới chịu chi phối không nhỏ bởi sự phân biệt giàu nghèo, sự phụ thuộc về vị trí xã hội, nghề nghiệp, nhân thân, gia đình... làm tăng các quan hệ mà một bên trở thành phái mạnh còn bên kia là yếu thế; trong đó, có nhiều quan hệ người phụ nữ thuộc về bên yếu thế. Việt Nam hiện đang tiếp cận đến nền kinh tế thị trường đầy đủ, bên cạnh những thành tựu kinh tế và những tiến bộ về sự phát triển của phụ nữ, cũng có những thách thức mới trong thực hiện, bảo vệ tốt hơn các quyền con người và thực hiện bình đẳng giới. Bởi vì, người phụ nữ mặc dù đã được thể hiện vai trò, vị trí của mình trên hầu hết các lĩnh vực kinh tế, chính trị, quan hệ, ngoại giao; tuy nhiên, vẫn là chủ lực chính gánh vác các quan hệ, trách nhiệm gia đình, nên chưa phát huy được đầy đủ năng lực, hạn chế sự vươn tầm của phụ nữ.

Vi vậy, trong giai đoạn này, để tiếp tục phát huy những kết quả đạt được từ việc thực hiện bình đẳng giới, bên cạnh những biện pháp lồng ghép bình đẳng giới, cần thiết lồng ghép các quy định tăng cường vai trò của nữ giới, hỗ trợ, biện pháp phát triển, tạo điều kiện, cơ hội cho nữ giới.

2. Xác định vấn đề giới trong dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ

Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ gồm 02 điều, cụ thể như sau:

- Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ:

+ Sửa đổi, bổ sung Điều 3; cụ thể bổ sung 04 khoản: khoản 7, khoản 8, khoản 9 và khoản 10;

+ Sửa đổi, bổ sung Điều 6; cụ thể bổ sung 01 khoản (khoản 3);

+ Sửa đổi, bổ sung Điều 10, gồm: điểm e, điểm h khoản 1; điểm đ khoản 4; khoản 5 và bổ sung khoản 6.

+ Sửa đổi, bổ sung Điều 11, gồm: tách Điều 11 thành Điều 11 và Điều 11a;

+ Sửa đổi, bổ sung Điều 12, gồm: tách Điều 12 thành Điều 12 và Điều 12a;

+ Sửa đổi, bổ sung Điều 13, cụ thể gộp khoản 1 và khoản 2 thành 01 khoản.

+ Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15;

+ Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 16;

+ Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 18, gồm bổ sung điểm g, h, i vào sau điểm e khoản 1 Điều 18;

+ Sửa đổi, bổ sung Điều 20, gồm khoản 1 và khoản 2; bổ sung Điều 20a sau Điều 20;

+ Sửa đổi, bổ sung Điều 25, gồm bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 25.

- Điều 2: Hiệu lực thi hành

Theo đó, dự thảo Luật tiếp tục quy định, xác định rõ chế độ, biện pháp cảnh vệ đối với các đối tượng cảnh vệ đảm bảo phù hợp, thuận lợi khi thực hiện trên thực tế; đồng thời không có sự phân biệt giữa chế độ, biện pháp cảnh vệ đối với đối tượng cảnh vệ là nam hay nữ.

Như vậy, dự thảo Luật không có quy định phân biệt giới dẫn tới bất bình đẳng giới.

3. Các biện pháp lồng ghép giới trong xây dựng dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ

Dự thảo Luật đã đề xuất các biện pháp lồng ghép vấn đề bình đẳng giới ở những quy định cụ thể sau:


Thứ nhất, trên cơ sở bảo đảm các nguyên tắc bình đẳng giới, dự thảo Luật tiếp tục quy định về chế độ cảnh vệ, biện pháp cảnh vệ đối với đối tượng giữ chức danh, chức vụ chủ chốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, không phân biệt đối tượng cảnh vệ là nam hay nữ (Điều 11, Điều 11a); chế độ, biện pháp cảnh vệ đối với khách quốc tế đến thăm và làm việc tại Việt Nam (Điều 12, Điều 12a)

Thứ hai, dự thảo Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ quy định nguyên tắc áp dụng chế độ cảnh vệ khi một người hưởng nhiều chế độ cảnh vệ khác nhau thì người đó hưởng chế độ cảnh vệ ở mức cao nhất.

Trong quá trình đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ, cơ quan chủ trì soạn thảo đã dự kiến nguồn nhân lực, tài chính bảo đảm việc thi hành Luật, bảo đảm tính khả thi của các biện pháp quy định trong luật, trong đó, có các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới nêu trên.

4. Dự báo tác động của các quy định trong dự án Luật khi được ban hành đối với vấn đề giới

Sau khi được ban hành, dự án Luật không tạo nguy cơ xảy ra bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử thiếu công bằng đối với nữ giới, các đối tượng yếu thế trong xã hội. Các chính sách và quy định tại dự thảo Luật tác động toàn diện mọi mặt tới mọi đối tượng trong toàn xã hội, tạo điều kiện cho mọi đối tượng từ công dân, người gốc Việt sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam, các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp. Quá trình xây dựng Luật đã bám sát các quy định của pháp luật bình đẳng giới, lồng ghép các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới.

Trên đây là Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Đ/c Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Lưu: VT, K01(P1).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trung tướng Lê Quốc Hùng

QUỐC HỘI
Luật số: /2024/QH15



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO 3

**LUẬT
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CẢNH VỆ**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ số 13/2017/QH14.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ số 13/2017/QH14

1. Bổ sung các khoản 7, 8, 9, 10 vào sau khoản 6 Điều 3 như sau:

7. Chế độ cảnh vệ là những chính sách mà Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam dành cho đối tượng cảnh vệ quy định tại Điều 10 Luật này.

8. Kiểm tra an ninh, an toàn là biện pháp cảnh vệ được lực lượng Cảnh vệ áp dụng để phát hiện vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, chất độc sinh học, chất độc hóa học, chất phóng xạ và vật nguy hiểm khác nhằm phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời các nguy cơ mất an ninh, an toàn đối tượng cảnh vệ.

9. Kiểm nghiệm thức ăn, nước uống là biện pháp cảnh vệ được lực lượng Cảnh vệ áp dụng nhằm kịp thời phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn các nguy cơ đầu độc, ngộ độc từ thức ăn, nước uống.

10. Sử dụng thẻ, phù hiệu là biện pháp cảnh vệ được lực lượng Cảnh vệ áp dụng để kiểm tra, kiểm soát người, phương tiện ra, vào khu vực bảo vệ".

2. Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 6 như sau:

"3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này".

3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 10 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 như sau:

“e) Thường trực Ban Bí thư, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 1 như sau:

“h. Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 4 như sau:

“đ. Hội nghị, lễ hội do Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước, Quốc hội, Chính phủ tổ chức có đối tượng cảnh vệ quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 điều này tham dự; đại hội đại biểu toàn quốc do tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương tổ chức; hội nghị quốc tế tổ chức tại Việt Nam có đối tượng cảnh vệ quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này tham dự”.

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Căn cứ tình hình an ninh chính trị trong từng giai đoạn, khi xét thấy cần thiết, Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội bổ sung đối tượng cảnh vệ và việc áp dụng biện pháp, chế độ cảnh vệ phù hợp với quy định tại các Điều 11, 11a, 12, 12a, 13 và 14 của Luật này.

đ) Bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 như sau:

“6. Trong trường hợp cấp thiết để bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, bảo đảm công tác đối ngoại, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định áp dụng biện pháp cảnh vệ phù hợp đối với đối tượng không thuộc trường hợp quy định tại Điều này”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Chế độ cảnh vệ đối với người giữ chức vụ, chức danh cấp cao của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

1. Đối với Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ

a) Được bố trí sĩ quan bảo vệ tiếp cận;

b) Được bảo vệ nơi ở;

c) Được bảo vệ nơi làm việc;

d) Được bảo vệ địa điểm hoạt động;

đ) Được bảo đảm an ninh, an toàn về đồ dùng, vật phẩm, thức ăn, nước uống, phương tiện đi lại;

e) Khi đi công tác bằng ô tô được bố trí xe cảnh sát dẫn đường; đi bằng tàu hỏa được bố trí toa riêng; đi bằng tàu bay được sử dụng chuyên khoang hoặc chuyên cơ; đi bằng tàu thủy được sử dụng tàu riêng có phương tiện dẫn đường, hộ tống bảo vệ.

2. Đối với nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, nguyên Chủ tịch nước, nguyên Chủ tịch Quốc hội, nguyên Thủ tướng Chính phủ

a) Được bố trí sĩ quan bảo vệ tiếp cận;

b) Được bảo vệ nơi ở;

3. Đối với Thường trực Ban Bí thư, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam

a) Được bố trí sĩ quan bảo vệ tiếp cận;

b) Được bảo vệ nơi ở;

c) Được bảo vệ nơi làm việc;

d) Khi đi công tác trong nước bằng ô tô được bố trí xe cảnh sát dẫn đường trong trường hợp cần thiết.

4. Đối với Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ

a) Được bố trí sĩ quan bảo vệ tiếp cận;

b) Khi đi công tác trong nước bằng ô tô được bố trí xe cảnh sát dẫn đường trong trường hợp cần thiết.

5. Trường hợp một người hưởng nhiều chế độ cảnh vệ khác nhau thì người đó được hưởng chế độ cảnh vệ ở mức cao nhất".

5. Bổ sung Điều 11a vào sau Điều 11, cụ thể như sau:

"Điều 11a. Biện pháp cảnh vệ đối với người giữ chức vụ, chức danh cấp cao của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

1. Đối với Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ

- a) Bảo vệ tiếp cận;
- b) Vũ trang tuần tra, canh gác nơi ở, nơi làm việc, địa điểm hoạt động;
- c) Kiểm tra an ninh, an toàn nơi ở, nơi làm việc, địa điểm hoạt động, đồ dùng, vật phẩm, phương tiện đi lại;
- d) Kiểm nghiệm thức ăn, nước uống trước khi sử dụng;
- đ) Bố trí lực lượng đi trước nắm tình hình, khảo sát để xây dựng, triển khai phương án bảo vệ;
- e) Ứng dụng khoa học và công nghệ, sử dụng phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật hiện đại;
- g) Sử dụng thẻ, phù hiệu;
- h) Biện pháp khác theo quy định của Luật An ninh quốc gia và Luật Công an nhân dân.

2. Đối với nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, nguyên Chủ tịch nước, nguyên Chủ tịch Quốc hội, nguyên Thủ tướng Chính phủ

- a) Bảo vệ tiếp cận;
- b) Vũ trang tuần tra, canh gác nơi ở.

3. Đối với Thường trực Ban Bí thư, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam

- a) Bảo vệ tiếp cận;
- b) Vũ trang tuần tra, canh gác nơi ở, nơi làm việc;

c) Bố trí lực lượng đi trước nắm tình hình, khảo sát để xây dựng, triển khai phương án bảo vệ trong trường hợp cần thiết;

d) Ứng dụng khoa học và công nghệ, sử dụng phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật hiện đại;

đ) Sử dụng thẻ, phù hiệu;

e) Biện pháp khác theo quy định của Luật An ninh quốc gia và Luật Công an nhân dân.

4. Đối với Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ

a) Bảo vệ tiếp cận;

b) Bố trí lực lượng đi trước nắm tình hình, khảo sát để xây dựng, triển khai phương án bảo vệ trong trường hợp cần thiết;

c) Ứng dụng khoa học và công nghệ, sử dụng phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật hiện đại;

d) Sử dụng thẻ, phù hiệu;

đ) Biện pháp khác theo quy định của Luật An ninh quốc gia và Luật Công an nhân dân.

5. Khi tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội phức tạp, tăng cường lực lượng và phương tiện bảo vệ đối tượng cảnh vệ.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

"Điều 12. Chế độ cảnh vệ đối với khách quốc tế đến thăm, làm việc tại Việt Nam

1. Đối với Người đứng đầu Nhà nước, Chính phủ các nước khi đến thăm, làm việc tại Việt Nam, được hưởng chế độ cảnh vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật này và được bố trí phương tiện hộ tống theo nghi lễ đối ngoại của Nhà nước.

Đối với Người đứng đầu cơ quan lập pháp các nước khi đến thăm và làm việc tại Việt Nam, được hưởng chế độ cảnh vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 11

của Luật này trên cơ sở có đi có lại và được bố trí phương tiện hộ tống theo nghi lễ đối ngoại của Nhà nước.

2. Đối với cấp phó của Người đứng đầu Nhà nước, Chính phủ các nước khi đến thăm, làm việc tại Việt Nam, được hưởng chế độ cảnh vệ quy định tại khoản 4 Điều 11 của Luật này.

Đối với cấp phó của Người đứng đầu Cơ quan lập pháp các nước khi đến thăm, làm việc tại Việt Nam, được hưởng chế độ cảnh vệ quy định tại khoản 4 Điều 11 của Luật này trên cơ sở có đi có lại.

3. Đối với khách mời của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ hoặc khách mời khác theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao mà không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này khi đến thăm, làm việc tại Việt Nam thì căn cứ vào yêu cầu đối ngoại và thông lệ quốc tế, đề nghị của phía khách mời và tình hình thực tế để áp dụng một hoặc các chế độ cảnh vệ quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật này".

7. Bổ sung Điều 12a vào sau Điều 12, cụ thể như sau:

"Điều 12a. Biện pháp cảnh vệ đối với khách quốc tế khi đến thăm, làm việc tại Việt Nam

1. Đối với Người đứng đầu Nhà nước, Chính phủ các nước khi đến thăm, làm việc tại Việt Nam, áp dụng biện pháp cảnh vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 11a của Luật này.

Đối với Người đứng đầu Cơ quan lập pháp các nước khi đến thăm và làm việc tại Việt Nam, áp dụng biện pháp cảnh vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 11a của Luật này trên cơ sở có đi có lại.

2. Đối với cấp phó của Người đứng đầu Nhà nước, Chính phủ các nước khi đến thăm, làm việc tại Việt Nam, áp dụng biện pháp cảnh vệ quy định tại điểm a, điểm e, điểm g và điểm h khoản 1 Điều 11a của Luật này.

Đối với cấp phó của Người đứng đầu Cơ quan lập pháp các nước khi đến thăm, làm việc tại Việt Nam, áp dụng biện pháp cảnh vệ quy định tại điểm a, điểm e, điểm g và điểm h khoản 1 Điều 11a của Luật này trên cơ sở có đi có lại.

3. Đối với khách mời của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ hoặc khách mời khác theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao mà không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này khi đến thăm, làm việc tại Việt Nam thì căn cứ vào yêu cầu đối ngoại và thông lệ quốc tế, đề nghị của phía khách mời và tình hình thực tế để áp dụng một hoặc các biện pháp cảnh vệ quy định tại khoản 1 Điều 11a của Luật này".

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

"Điều 13. Biện pháp cảnh vệ đối với khu vực trọng yếu

1. Vũ trang tuần tra, canh gác thường xuyên.
2. Kiểm tra, kiểm soát người, đồ vật và phương tiện ra, vào khu vực.
3. Kiểm tra an ninh, an toàn trong trường hợp cần thiết.
4. Biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của Luật An ninh quốc gia và Luật Công an nhân dân".

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 như sau:

"1. Có quyền yêu cầu lực lượng Cảnh vệ thực hiện biện pháp, chế độ cảnh vệ theo quy định tại Điều 11, Điều 11a, Điều 12 và Điều 12a của Luật này".

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 16 như sau:

"1. Lực lượng Cảnh vệ được tổ chức tại Bộ Công an và Bộ Quốc phòng".

11. Bổ sung các điểm g, h, i vào sau điểm e khoản 1 Điều 18:

"g) Huấn luyện, bồi dưỡng điều lệnh, quân sự, võ thuật, kỹ thuật, chiến thuật đối với cán bộ, chiến sĩ lực lượng Công an nhân dân, lực lượng tham gia thực hiện công tác cảnh vệ và lực lượng khác phục vụ nhiệm vụ cảnh vệ;

h) Huấn luyện nâng cao, huấn luyện đặc thù, diễn tập phương án tác chiến thực hiện nhiệm vụ cảnh vệ;

i) Quản lý, huấn luyện và sử dụng động vật nghiệp vụ phục vụ nhiệm vụ cảnh vệ".

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

a) Bổ sung điểm g1 và g2 vào sau điểm g khoản 1 Điều 20:

"g1) Quyết định phát hành thẻ, phù hiệu phục vụ công tác cảnh vệ;

g2) Trong trường hợp cần thiết, quyết định thuê lực lượng, phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ bảo vệ đối tượng cảnh vệ khi đi công tác nước ngoài".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Cục trưởng Cục Bảo vệ an ninh Quân đội có quyền hạn quy định tại các điểm a, b, c, đ, e, g1, g2 và h khoản 1 Điều 20 của Luật này"

13. Bổ sung Điều 20a sau Điều 20; cụ thể như sau:

"Điều 20a. Sử dụng Giấy Bảo vệ đặc biệt

1. Giấy Bảo vệ đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Công an cấp cho sĩ quan cảnh vệ sử dụng để thực hiện công tác cảnh vệ.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh yêu cầu công tác cảnh vệ khi sĩ quan cảnh vệ xuất trình Giấy Bảo vệ đặc biệt".

14. Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 25 như sau:

"4a. Quy định cụ thể về biện pháp cảnh vệ".

Điều 2. Điều khoản thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa , kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Vương Đình Huệ



Mẫu số 01/ĐGTD-BC

BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

Tên dự thảo: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ

I. Xác định vấn đề tổng quan

Luật Cảnh vệ được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 20/6/2017, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2018. Luật Cảnh vệ được ban hành đã đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ An ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; bảo đảm xây dựng lực lượng Cảnh vệ cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và hiện đại; đồng thời, bảo đảm phù hợp với Hiến pháp năm 2013, thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về tổ chức, hoạt động của lực lượng Cảnh vệ, tạo thuận lợi cho mối quan hệ phối hợp giữa các lực lượng, góp phần bảo vệ an toàn tuyệt đối đối tượng cảnh vệ. Việc ban hành Luật Cảnh vệ là một bước quan trọng trong quá trình tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về lĩnh vực bảo vệ An ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ với các luật khác có liên quan như: Luật An ninh quốc gia, Luật Công an nhân dân, Luật Quốc phòng, Luật Trưng mua, trưng dụng tài sản... và phù hợp với luật pháp quốc tế liên quan đến công tác cảnh vệ.

Luật Cảnh vệ là cơ sở pháp lý quan trọng quy định về tổ chức, hoạt động của lực lượng Cảnh vệ và trách nhiệm của các cơ quan, ban, ngành trong thực hiện công tác cảnh vệ, đồng thời giúp cho việc trang bị cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật của lực lượng Cảnh vệ được quan tâm đầu tư, nâng cấp hiện đại, đồng bộ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Hợp tác quốc tế về lĩnh vực công tác cảnh vệ được đẩy mạnh, tạo điều kiện thuận lợi trong phối hợp triển khai bảo vệ đối tượng cảnh vệ cả trong và ngoài nước.

Bên cạnh những kết quả tích cực đạt được, quá trình triển khai thi hành Luật Cảnh vệ năm 2017 đã xuất hiện một số vướng mắc, bất cập cần phải được xem xét sửa đổi, bổ sung, tập trung ở các nhóm vấn đề:

- Đối tượng cảnh vệ;
- Biện pháp, chế độ cảnh vệ;

- Đặc biệt là quyền hạn của lực lượng Cảnh vệ: Thực tiễn các quốc gia trên thế giới và Việt Nam cho thấy công tác cảnh vệ là một nội dung quan trọng của công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, góp phần vào việc bảo đảm các điều kiện cho sự ổn định vững mạnh chế độ, chính trị, sự phát triển của kinh tế, văn hóa, xã hội của quốc gia. Vì vậy công tác cảnh vệ đều được các quốc gia dành sự quan tâm đặc biệt, mà trước hết là tạo dựng cơ sở pháp lý đủ mạnh để tổ chức, tiến hành công tác cảnh vệ một cách hiệu quả. Do vậy, cần cụ thể hóa quyền hạn của lực lượng Cảnh vệ để thuận lợi trong thực hiện công tác cảnh vệ, như *Tư lệnh Bộ Tư lệnh Cảnh vệ, Cục trưởng Cục Bảo vệ An ninh Quân đội quyết định phát hành thẻ, phù hiệu phục vụ công tác cảnh vệ* trong dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ là cần thiết.

II. Đánh giá tác động của thủ tục hành chính

Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ dự kiến quy định 01 nhóm thủ tục hành chính về “Cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ, phù hiệu phục vụ công tác cảnh vệ”. Tại dự thảo Luật dự kiến quy định về tên thủ tục hành chính, đối tượng thực hiện và cơ quan có thẩm quyền giải quyết; giao Bộ trưởng Bộ Công an quy định nội dung chi tiết trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính khi quy định các bộ phận cấu thành khác.

Về chi phí tuân thủ thủ tục hành chính: không phát sinh thêm chi phí so với hiện tại, do đây là biện pháp của lực lượng Cảnh vệ đã và đang được thực hiện hiệu quả, thường xuyên từ trước đến nay trong công tác đảm bảo an ninh, an toàn đối tượng cảnh vệ. Việc quy định thủ tục hành chính Cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ, phù hiệu phục vụ công tác cảnh vệ tại dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ nhằm thể chế hóa nội dung này, giao trách nhiệm cho Tư lệnh Bộ Tư lệnh Cảnh vệ và Cục trưởng Cục bảo vệ An ninh Quân đội, đảm bảo bổ sung quyền hạn cho lực lượng Cảnh vệ và công khai thủ tục hành chính đến cơ quan, tổ chức, cá nhân. Việc xây dựng dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ trong đó quy định thẩm quyền phát hành thẻ, phù hiệu phục vụ công tác cảnh vệ theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

III. Lấy ý kiến

Bộ Công an đã tổ chức lấy ý kiến của các Bộ, ban ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và Công an các đơn vị, địa phương, cơ bản các ý nhất trí với nội dung dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ và

đăng hồ sơ dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ lên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Cổng thông tin điện tử Bộ Công an, không có ý kiến tham gia./.

CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO 



Biểu mẫu số 02/ĐGTD-BH.

**BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DỰ KIẾN BAN HÀNH MỚI
TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN**

Tên dự án, dự thảo văn bản:

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ.

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ, phù hiệu phục vụ công tác cảnh vệ

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?

a) Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:

Tư lệnh Bộ Tư lệnh Cảnh vệ, Cục trưởng Cục Bảo vệ an ninh Quân đội quyết định phát hành thẻ, phù hiệu phục vụ công tác cảnh vệ.

b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:

Đây là một biện pháp được lực lượng Cảnh vệ chủ trì thực hiện hiệu quả trong triển khai các kỳ, cuộc bảo vệ đối tượng cảnh vệ trong nước và nước ngoài.

2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?

a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm:

Cá nhân, tổ chức được đảm bảo đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp khi tham gia các kỳ cuộc có đối tượng được cảnh vệ, được mang những trang thiết bị, vật tư không nguy hiểm vào khu vực, mục tiêu cảnh vệ.

b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định:

Nhằm đảm bảo an ninh, an toàn cho đối tượng Cảnh vệ.

<p>3. Lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?</p>	<p>a) Lý do quy định thủ tục hành chính:</p> <p>Kiểm tra, kiểm soát người, phương tiện ra vào mục tiêu cảnh vệ nhằm đảm bảo an ninh, an toàn đối tượng cảnh vệ.</p> <p>b) Nêu rõ điều, khoản quy định thủ tục hành chính tại dự án, dự thảo văn bản: khoản 11, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ.</p>
<p>4. Có biện pháp nào khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy định thủ tục hành chính không?</p>	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>Không có biện pháp nào tốt hơn để vừa đảm bảo chức năng quản lý nhà nước và vừa đảm bảo quyền lợi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân.</p> <p>Quy định thủ tục hành chính nhằm công khai về trình tự, cách thức thực hiện và tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính.</p>
<p>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</p>	
<p>1. Có được ban hành theo đúng thẩm quyền không?</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do:</p> <p>Quy định tại khoản 11, Điều 1 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ, việc xây dựng dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ được thực hiện theo đúng quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020)</p>

<p>2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?</p>	<p>- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>- Với văn bản của cơ quan khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>- Với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p>
<p>III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</p>	
<p>1. Tên thủ tục hành chính</p>	
<p>Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do:</p> <p>Quy định tại khoản 11, Điều 1 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ.</p>
<p>2. Trình tự thực hiện: Tại khoản 13, Điều 1 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ giao Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết</p>	
<p>3. Cách thức thực hiện: Tại khoản 13, Điều 1 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ giao Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết</p>	
<p>4. Thành phần, số lượng hồ sơ: Tại khoản 13, Điều 1 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ giao Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết</p>	
<p>5. Thời hạn giải quyết: Tại khoản 13, Điều 1 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ giao Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết</p>	
<p>6. Đối tượng thực hiện</p>	

<p>a) Đối tượng thực hiện:</p>	<p>- Tổ chức: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Mô tả rõ:</p> <p>Tổ chức trong nước và nước ngoài vào khu vực trọng yếu hoặc đến tham dự sự kiện đặc biệt quan trọng là đối tượng của lực lượng Cảnh vệ.</p> <p>Lý do quy định:</p> <p>Để đảm bảo an ninh, an toàn đối tượng cảnh vệ.</p> <p>- Cá nhân: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Mô tả rõ:</p> <p>Cá nhân trong nước và nước ngoài vào khu vực trọng yếu hoặc đến tham dự sự kiện đặc biệt quan trọng là đối tượng của lực lượng Cảnh vệ.</p> <p>Lý do quy định:</p> <p>Để đảm bảo an ninh, an toàn đối tượng cảnh vệ.</p> <p>- Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?:</p> <p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do:</p> <p>Để đảm bảo an ninh, an toàn đối tượng cảnh vệ trong trường hợp cần thiết.</p>
<p>b) Phạm vi áp dụng:</p>	<p>- Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Vùng <input type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/></p> <p>- Nông thôn <input type="checkbox"/> Đô thị <input type="checkbox"/> Miền núi <input type="checkbox"/></p> <p>- Biên giới, hải đảo <input type="checkbox"/></p> <p>- Lý do quy định:</p>

	<p>Phạm vi hoạt động của đối tượng cảnh vệ trên toàn quốc.</p> <p>- Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?:</p> <p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do:</p> <p>Phụ thuộc phạm vi hoạt động của đối tượng Cảnh vệ.</p>
<p>Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm:</p> <p>.....</p>	
<p>7. Cơ quan giải quyết</p>	
<p>a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>- Lý do quy định:</p> <p>Được quy định cụ thể tại Điều 20 Luật Cảnh vệ</p>
<p>b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?</p>	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do:</p> <p>Đây là biện pháp riêng biệt để thực hiện công tác cảnh vệ của lực lượng Cảnh vệ.</p>
<p>8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có): Quy định tại khoản 13, Điều 1 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ giao Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết.</p>	
<p>9. Mẫu đơn, tờ khai: Quy định tại khoản 13, Điều 1 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ giao Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết.</p>	

10. Yêu cầu, điều kiện: Quy định tại khoản 13, Điều 1 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ giao Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết.

11. Kết quả thực hiện

<p>a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy phép <input type="checkbox"/> - Giấy chứng nhận <input type="checkbox"/> - Giấy đăng ký <input type="checkbox"/> - Chứng chỉ <input type="checkbox"/> - Thẻ <input checked="" type="checkbox"/> - Quyết định hành chính <input type="checkbox"/> - Văn bản xác nhận/chấp thuận <input type="checkbox"/> - Loại khác: <input type="checkbox"/> Đề nghị nêu rõ: Phù hiệu. <p>Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy <input checked="" type="checkbox"/> Bản điện tử <input checked="" type="checkbox"/></p>
<p>b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do: thông tin của cá nhân, phương tiện được cụ thể hóa trong thẻ, phù hiệu.</p>
<p>c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?</p>	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: tháng/ năm. - Nếu Không, nêu rõ lý do:

d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> Lý do: Đối tượng cảnh vệ hoạt động trên địa bàn toàn quốc.
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: Nguyễn Thị Mai Anh Điện thoại cố định: 069.2344.795 ; Di động: 0982597259; E-mail: maianhhiiep84@gmail.com	

CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO